

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 5

THẾ ĐỆ NHẤT PHÁP (Phần 4)

Thế đệ nhất pháp nên nói là nên tâm hay là nhiều tâm? Cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao soạn ra luận này?

Đáp: Tuy đã nói đến sự tương ưng sai biệt ấy, nhưng chưa biểu hiện rõ ràng hiện tiền có bao nhiêu, nay muốn biểu hiện rõ ràng chỉ có nên sát-na, cho nên soạn ra luận này. Lại nữa, vì muốn ngăn chặn và loại bỏ nghĩa của tông khác. Như luận Phân Biệt chấp rằng: Thế đệ nhất pháp nối tiếp nhau hiện tiền. Luận ấy nói nối tiếp nhau tổng quát có ba loại:

1. Thời tương tục.
2. Sinh tương tục.
3. Tương tự tương tục.

Thế đệ nhất pháp tuy không có hai loại trước, nhưng có nên loại sau. Nay cần phải ngăn chặn và loại bỏ về nghĩa của luận ấy đã chấp mà biểu hiện Thế đệ nhất pháp chỉ có nên niệm hiện tiền. Lại nữa, vì làm cho người nghĩa ngờ có được sự quyết định, nghĩa là trước đây đã nói: Nếu tâm-tâm sở pháp, làm đấng vô gián tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì gọi là Thế đệ nhất pháp. Chớ có sinh lòng nghi ngờ! Như tâm sở pháp đã có nhiều loại thì tâm cũng phải như vậy. Vì khiến người nghi ngờ có được sự quyết định ấy, cho nên biểu hiện tâm sở pháp tuy có nhiều loại mà tâm chỉ có nên. Bởi vì nhân duyên này cho nên soạn ra luận này.

Hỏi: Thế đệ nhất pháp nên nói là nên tâm hay là nhiều tâm?

Đáp: Nên nói nên tâm.

Hỏi: Như trước đã nói, vị lai tu thì cũng được gọi là Thế đệ nhất pháp, vậy thì pháp này phải có nhiều tâm, mà nói là nên tâm thì có ý

gì?

Đáp: Trong này chỉ nói hiện tại trước mắt ấy vốn nói là nói nên tâm.

Hỏi: Nay ở trong này tại sao không nói đến vị lai tu?

Đáp: Cần phải nói mà không nói đến, thì nên biết nghĩa này có thừa. Trong này lại có nhiều giải thích thêm nữa, trước đã nói cho nên nay không nói đến nữa.

Hỏi: Tuy nói nên tâm nhưng chưa giải thích về nghĩa, vì sao pháp này không phải là nhiều tâm vậy, không phải là chỉ có ngôn từ giải thích về nghĩa được?

Đáp: Thuận theo tâm-tâm sở pháp này không gián đoạn, không khởi lên tâm thế gian nào khác mà chỉ khởi lên tâm xuất thế gian. Tâm thế gian, nghĩa là tâm hữu lậu rơi vào phạm vi có, lập tức đã ngăn chặn niệm thứ hai cùng với Thế đệ nhất pháp. Tâm xuất thế gian, nghĩa là tâm vô lậu đoạn trừ phạm vi có, lập tức đã dẫn dắt khởi tâm tương ứng với Khổ pháp trí nhãn. Nếu đang lúc khởi tâm thế gian khác, là yếu kém-là ngang bằng-là hơn hẳn, thì điều này là vô lý. Bởi vì phân biệt cho nên giả thiết đưa ra câu hỏi này. Yếu kém-ngang bằng và hơn hẳn, là đối với sát-na trước, vốn chỉ có ba loại. Nếu đang lúc yếu kém, thì sẽ không có năng lực tiến vào Chánh tánh ly sinh. Tại vì sao? Bởi vì không dùng đạo lui sụt mà có thể tiến vào Chánh tánh ly sinh. Nghĩa là không phải đạo sát-na-tàn tạ-rơi rụng-phá hoại mà có thể tiến vào Chánh tánh ly sinh, cần phải dùng đạo tăng tiến-trần dầy-dững mãnh-kiên cố mới có thể tiến vào Chánh tánh ly sinh. Nếu đang lúc ngang bằng, thì cũng không có năng lực tiến vào Chánh tánh ly sinh. Tại vì sao? Bởi vì trước dùng đạo loại này mà không có năng lực tiến vào Chánh tánh ly sinh. Nghĩa là phẩm loại này trước sau tương tự, như sát-na trước có chương ngại-có khó khăn-không có thể mạnh, không có thể tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì những sát-na sau cũng thuận theo như vậy; như sát-na trước không có thể liên tục dẫn dắt phát khởi Thánh đạo, thì những sát-na cũng phải như vậy. Bởi vì phẩm loại như nhau, cho nên cuối cùng sẽ không có thể chứng được tiến vào Chánh tánh ly sinh, như vậy sẽ không có giải thoát - không có xuất ly. Nếu đang lúc hơn hẳn, thì trước sẽ không phải là Thế đệ nhất pháp, sau mới chính là Thế đệ nhất pháp, bởi vì âm Thế đệ nhất pháp biểu hiện cho các nghĩa thù thắng nhất.

Hỏi: Trước đã không phải là Thế đệ nhất pháp, thì đó là pháp gì?

Đáp: Là Nhẫn tăng thượng.

Hỏi: Tại sao kiến đạo chỉ có gia hạnh thù thắng không gián đoạn mà dẫn dắt phát sinh tu đạo, trong lúc dẫn dắt phát sinh Thánh đạo lại bao gồm yếu kém-ngang bằng và hơn hẳn?

Đáp: Bởi vì kiến đạo là đạo chưa hề đạt được, cần phải dụng công nhiều và tác ý gia hạnh thì mới có thể hiện tiền, cho nên chỉ có gia hạnh thù thắng. Dẫn dắt phát khởi tu đạo, đã là đạo vốn từng đạt được, không cần dụng công nhiều mà tác ý gia hạnh hiện rõ trước mắt, cho nên yếu kém-ngang bằng và hơn hẳn đều có thể dẫn dắt phát khởi. Nhưng mà Thế đệ nhất pháp và pháp bậc nhất, làm duyên tăng thượng cho nhân duyên. Nhân duyên ấy có ba nhân, đó là nhân tương ứng-nhân cùng có và nhân cùng loại. Đây là nói tổng quát, nếu như phân biệt thì quá khứ và quá khứ là hai nhân, nghĩa là tương ứng và cùng có, quá khứ và vị lai là nên nhân, đó là cùng loại; vị lai và vị lai là hai nhân, đó là tương ứng và cùng có; hiện tại và hiện tại là hai nhân, đó là tương ứng và cùng có; hiện tại và vị lai là nên nhân, đó là cùng loại. Duyên tăng thượng, nghĩa là không ngăn trở gì sinh và chỉ có nên mình không ngăn cách.

Thế đệ nhất pháp nên nói là lui sụt hay không lui sụt? Cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao soạn ra luận này?

Đáp: Tuy đã nói pháp ấy là nên tâm chứ không phải là nhiều tâm, nhưng chưa phân biệt là lui sụt hay không lui sụt, nay cần phải phân biệt cho nên soạn ra luận này. Lại nữa, bởi vì ngăn chặn các tông khác để biểu hiện chánh nghĩa. Nghĩa là hoặc có người chấp rằng Thế đệ nhất pháp cũng có lui sụt, vì ngăn chặn ý đó để biểu hiện rõ ràng pháp này quyết định không lui sụt, cho nên soạn ra luận này.

Hỏi: Thế đệ nhất pháp nên nói là lui sụt hay không lui sụt?

Đáp: Nên nói là không lui sụt.

Hỏi: Tuy có nói như vậy nhưng cần phải tiếp tục biểu hiện rõ ràng về nhân duyên không lui sụt, chứ không phải là chỉ có ngôn từ thì nghĩa có thể hiểu rõ ràng được. Tại sao pháp này là chắc chắn không lui sụt?

Đáp: Thế đệ nhất pháp tùy thuận với Đế-hướng đến với Đế và sắp tiến vào Đế, giữa bên này bên kia, không cho phép có dấy khởi các tâm không tương tự, khiến cho không có thể tiến vào hiện quán Thánh đế.

Hỏi: Thế nào là tùy thuận với Đế, hướng đến với Đế, sắp tiến vào Đế?

Đáp: Có người nói hiện quán nói đến trong này thì gọi là Đế, nghĩa là Thế đệ nhất pháp tùy thuận với hiện quán, hướng đến với hiện

quán, sắp tiến vào hiện quán. Có người nói Đạo đế nói đến trong này thì gọi là Đế, nghĩa là Thế đệ nhất pháp tùy thuận với Đạo đế, hướng đến với Đạo đế, sắp tiến vào Đạo đế. Có người nói kiến đạo nói đến trong này thì gọi là Đế, nghĩa là Thế đệ nhất pháp tùy thuận với kiến đạo, hướng đến với kiến đạo, sắp tiến vào kiến đạo. Có người nói khổ đế nói đến trong này thì gọi là Đế, nghĩa là Thế đệ nhất pháp tùy thuận với Khổ đế, hướng về Khổ đế, sắp tiến vào Khổ đế. Có người nói Khổ pháp trí nhãn nói đến trong này thì gọi là Đế, nghĩa là Thế đệ nhất pháp tùy thuận với Khổ pháp trí nhãn, hướng đến với Khổ pháp trí nhãn, sắp tiến vào Khổ pháp trí nhãn. Nhưng ở trong này, tùy thuận có hai loại:

1. Hướng đến với tùy thuận.

2. Sắp tiến vào tùy thuận.

Thế đệ nhất pháp đối với Khổ pháp trí nhãn, có đủ hai loại tùy thuận làm đấng vô gián duyên dẫn dắt phát sinh pháp ấy. Giữa bên này bên kia, không cho phép có thể dấy khởi các tâm không tương tự, nghĩa Thế đệ nhất pháp này, ở giữa Khổ pháp trí nhãn kia, không cho phép có thể khởi tâm hữu lậu rơi vào phạm vi có mà không tương tự. Khiến cho không có thể tiến vào hiện quán Thánh đế, nghĩa là khiến cho Khổ pháp trí nhãn không hiện tiền được.

Hỏi: Thế đệ nhất pháp đã làm tâm hữu lậu và tâm vô lậu, có thể không tương tự, tại sao nói tâm hữu lậu rơi vào phạm vi có thì gọi là không tương tự, tâm vô lậu đoạn trừ phạm vi có thì gọi là tương tự?

Đáp: Thế đệ nhất pháp chán ghét đối với hữu lậu, hướng đến với vô lậu, nắm căn như Tín... nói hữu lậu gọi là không tương tự, vô lậu là tương tự, bởi vì rời bỏ nơi này hướng đến nơi kia. Giống như có người bị bà con thân thuộc của mình làm cho khổ não, dựa vào người khác mà làm nơi cứu giúp che chở, đối với bà con thân thuộc của mình dấy lên ý tưởng là người đứng, ở chỗ người đứng dấy lên ý tưởng cho là bà con thân thuộc. Ở đây cũng như vậy. Lại có người nói: Thế đệ nhất pháp cùng làm chung nên công việc với Khổ pháp trí nhãn, đó là rời bỏ tánh dị sinh..., cho nên nói hữu lậu gọi là không tương tự, vô lậu thì gọi là tương tự, bởi vì cùng làm chung nên công việc. Vì đối với nghĩa trước, thậm chí người ngu si cũng có thể hiểu rõ ràng. Vì vậy nói thí dụ để hiển bày rõ ràng. Ví như tráng sĩ vượt qua sông suối-hang động-núi xa-đèo cao, giữa chừng không ai có thể xoay chuyển làm cho người ấy trở về lại nơi ban đầu, hoặc hướng về nơi nào khác. Trước đó đã phát khởi, tăng thêm sức mạnh tự mình đi chưa đến nơi thì nhất định không thể dừng lại. Thế đệ nhất pháp cũng lại như vậy, tùy thuận với Đế-hướng

đến với Đế-sấp tiến vào Đế, ở giữa bên này bên kia, không cho phép khởi tâm không tương tự, khiến cho không có thể tiến vào hiện quán Thánh đế. Trong này, vượt qua sông suối, nghĩa là từ bờ bên này đi đến bờ bên kia; vượt qua hang động, nghĩa là từ phía bên này đi đến phía bên kia; vượt qua núi xa, nghĩa là từ đỉnh núi này đi đến đỉnh núi kia; vượt qua đèo cao, nghĩa là từ trên cao đi xuống thấp. Hoặc như có người từ nóc nhà rơi xuống, trong thời gian chưa chạm đến đất, liền khởi lên tâm này: Mình nên nhảy vọt lên trở về lại nơi ban đầu. Người ấy được như ý đã nghĩ hay không có sự việc như vậy. Giả sử người ấy hoặc dùng thần lực, hoặc dùng chú thuật, hoặc dùng vị thuốc, trở lại nơi ban đầu, thì có thể có sự việc này. Nhưng từ Thế đệ nhất pháp chưa đến được Khổ pháp trí nhãn, ở giữa hai bên có thể khởi tâm không tương tự, khiến cho không thể tiến vào hiện quán Thánh đế, thì điều này là vô lý. Vì làm cho nghĩa này càng được rõ ràng, cho nên lại đưa ra thí dụ để hiển bày rõ ràng: Như Thiệm Bộ Châu có năm con sông lớn, nên tên là Căng-già, hai tên là Diêm-mẫu-na, ba tên là Tát-lạc-du, bốn tên là A-thị-la-phiệt-đế, năm tên là Mạc-hê. Năm con sông như vậy, tùy thuận với biển rộng, hướng đến với biển rộng, sắp tiến vào biển rộng, giữa chừng không có năng lực nào xoay chuyển những dòng chảy đó trở về lại nơi ban đầu, hoặc hướng về nơi khác, dòng chảy đó quyết định luôn luôn chảy vào biển rộng. Thế đệ nhất pháp cũng lại như vậy, tùy thuận với Đế-hướng đến với Đế-sấp tiến vào Đế, ở giữa hai bên, không cho phép có thể khởi tâm không tương tự, khiến cho không có thể tiến vào hiện quán Thánh đế.

Hỏi: Thí dụ trước và thí dụ này, có gì sai biệt? Vả lại, thí dụ trước đối với nghĩa, có gì không sáng tỏ mà lại cần phải nói thí dụ thứ hai? Đáp: Có người nói: Hai thí dụ đối với nghĩa thì không có gì khác biệt, vì muốn làm cho nghĩa lý đã biểu hiện của thí dụ trước càng trở nên rõ ràng hơn, cho nên nói thí dụ này. Có người nói: Hai thí dụ cũng có sai biệt, thí dụ trước là ngăn chặn sự việc không đúng như lý, thí dụ sau là biểu hiện sự việc đúng như lý. Lại nữa, trước dùng nội phần đầy đủ làm thí dụ, sau dùng ngoại phần đầy đủ làm thí dụ, lại nữa, thí dụ trước là ngăn chặn nội phần gây khó dễ, thí dụ sau là ngăn chặn ngoại phần gây khó dễ. Như năm con sông lớn chảy vào biển rộng, không có năng lực nào xoay được nó trở về lại nơi ban đầu, nghĩa là làm cho quay lại chảy vào hồ không có gì nóng nảy khổ sở; không có năng lực nào chuyển được nó hướng về nơi khác, nghĩa là làm cho chảy về nên bên hoặc là trái-hoặc là phải. Xoay chuyển trong thí dụ trước, theo đây nên biết.

Năm con sông lớn kia lúc chưa tiến vào biển, có thể có sức mạnh nào làm cho không tiến vào biển hay không? Không có sự việc như vậy. Giả sử có người hoặc dùng thần lực, hoặc dùng chú thuật, hoặc dùng các vị thuốc, khiến cho đến được nơi ban đầu, thì có thể có sự việc này. Nhưng từ Thế đệ nhất pháp chưa đến được Khổ pháp trí nhãn, ở giữa hai bên có thể khởi tâm không tương tự, làm cho không có thể tiến vào được hiện quán Thánh đế, thì điều này là vô lý. Lúc Tôn giả soạn ra luận Phát Trí này, là ở tại phương Đông, cho nên dẫn chứng theo phương Đông, mọi người cùng thấy rõ ràng, năm con sông làm thí dụ, nhưng thật ra thì ở trong Thiệm Bộ châu này có bốn con sông lớn, mỗi con sông có bốn con sông nhỏ làm quyến thuộc, tùy theo phương hướng của mình mà chảy vào biển rộng. Nghĩa là ngay trong Thiệm Bộ châu này có nên hồ lớn tên gọi là Vô Nhiệt Nảo, ban đầu chỉ từ hồ ấy phát xuất bốn con sông lớn:

1. Tên gọi Căng-già.
2. Tên gọi Tín độ.
3. Tên gọi Phục sô.
4. Tên gọi Tư đa.

Thứ nhất là sông Căng-già, từ miệng voi vàng ở phía Đông của hồ chảy ra, vòng quanh về bên phải của hồ nên vòng rồi chảy vào biển phía Đông. Thứ hai là sông Tín độ, từ miệng trâu bạc ở phía Nam của hồ chảy ra, vòng quanh về bên phải của hồ nên vòng rồi chảy vào biển phía Nam. Thứ ba là sông Phục sô, từ miệng ngựa Phệ lưu ly ở phía Tây của hồ chảy ra, vòng quanh về bên phải của hồ nên vòng rồi chảy vào biển phía Tây. Thứ tư là sông Tư đa, từ miệng sư tử Pha chi ca ở phía Bắc của hồ chảy ra, vòng quanh về bên phải của hồ nên vòng rồi chảy vào biển phía Bắc. Sông lớn Căng-già có bốn sông quyến thuộc:

1. Tên gọi Diêm-mẫu-na.
2. Tên gọi Tát-lạc-du.
3. Tên gọi A-thị-la-phiệt-đế.
4. Tên gọi Mạc-hê.

Sông lớn Tín độ có bốn sông quyến thuộc:

1. Tên gọi Tỳ-phả-xa.
2. Tên gọi Ái-la-phiệt-đế.
3. Tên gọi Thiết-đán-đồ-lô.
4. Tên gọi Tỳ-đán-bà-đa.

Sông lớn Phục sô có sông quyến thuộc:

1. Tên gọi Phiệt-si-nô.

2. Tên gọi Phệ-đán-si-ni.
3. Tên gọi Phòng xa.
4. Tên gọi Khuất-uẩn-bà.

Sông lớn Tư đa có bốn sông quyến thuộc:

1. Tên gọi Tát lê.
2. Tên gọi Tị ma.
3. Tên gọi Nại địa.
4. Tên gọi Diện quang.

Như vậy tạm thời nói là có bốn con sông lớn. Nhưng bốn con sông lớn, mỗi nên sông lớn đều có năm trăm sông quyến thuộc, hợp tất cả lại gồm có hai ngàn lẻ bốn con sông, tùy theo phương hướng của mình mà chảy vào biển rộng. Như vậy đã nói hai ngàn lẻ bốn con sông trong lúc chưa tiến vào biển rộng, có thể sức mạnh nào làm cho không tiến vào biển hay không, thì không có sự việc như vậy. Giả sử có người hoặc dùng thần lực, hoặc dùng chú thuật, cho đến nói rộng khiến cho không có thể tiến vào hiện quán Thánh đế, thì điều này là vô lý.

Lại nữa, Thế đệ nhất pháp cùng với Khổ pháp trí nhãn làm đấng vô gián duyên, thì không có nên pháp nào nhanh chóng xoay chuyển vượt quá tâm ấy được, có thể ngay lúc bấy giờ có thể gây ra chướng ngại làm cho không tiến vào được hiện quán Thánh đế. Vì vậy pháp này là quyết định không lui sụt. Vạy hỏi về “Lại nữa” trong này thì giải thích như trước đây, nghĩa là văn trước đây chỉ là phương tiện luận về đạo khai thông, từ trước đến sau, nay đã nói chính là căn bản luận về đạo ngăn chặn làm cho mất đi, cho nên thuận theo nói “Lại nữa” và “Như văn này nói”. Ý trong này nói: Thế đệ nhất pháp cùng với Khổ pháp trí nhãn làm đấng vô gián duyên, pháp này ở phần vị đang diệt mà dẫn đến quả-mang lại quả (Thủ quả và dữ quả), Khổ pháp trí nhãn kia tiếp theo chắc chắn hiện tiền. Nếu pháp này cùng với pháp kia làm đấng vô gián duyên, trong phần vị đang diệt mà dẫn đến quả-mang lại quả, thì hoặc là pháp-hoặc hữu tình-hoặc chú thuật, hoặc là các vị thuốc-hoặc Phật-hoặc Độc giác, hoặc các Thanh văn đến bờ bên kia..., mà có thể làm chướng ngại, khiến cho niệam thứ hai không thể nào hiện tiền, thì điều này là vô lý. Trong này đã nói: không có nên pháp nào nhanh chóng xoay chuyển vượt quá tâm, thì nên biết chính là tâm tương ưng với Khổ pháp trí nhãn, tâm này chắc chắn nhanh chóng hiện tiền bởi vì không có pháp nào nhanh chóng xoay chuyển vượt quá tâm này. Như Đức Thế tôn nói: “Tỳ kheo nên biết! Ta không thấy nên pháp nào nhanh chóng xoay chuyển giống như tâm, cho đến nói rộng.” Văn kinh

ấy, như trong chương Định uẩn sau này sẽ phân biệt rộng ra. Bởi vì Đức Phật nói tâm nhanh chóng xoay chuyển vượt qua pháp khác, cho nên Thế đệ nhất pháp không gián đoạn trong sát-na, Khổ pháp trí nhãn chắc chắn hiện ở trước mắt, do đó pháp này quyết định không lui sụt.

Ở trong nghĩa này lại có phân biệt.

Hỏi: Vì sao Thế đệ nhất pháp pháp chắc chắn không lui sụt?

Đáp: Bởi vì gia hạnh rộng lớn, an trú đầy đủ vững chắc. Gia hạnh rộng lớn, nghĩa là pháp ấy đã quen với Thí-Giới, Văn-Tư-Tu đã thành tựu tốt đẹp, tất cả đem hồi hướng cho giải thoát Niết-bàn mà tâm không có gì dấn trước. Thí chính là bố thí với tâm trang nghiêm. Giới tức là giới biệt giải thoát. Văn đã thành tựu, nghĩa là quyết định chọn văn nghĩa đối với Thánh giáo. Tư đã thành tựu, nghĩa là quán bất tịnh-giữ ý niệm bằng hơi thở, niệm trú-quán ba nghĩa và bảy xứ thiện. Tu đã thành tựu, nghĩa là Noãn-Đánh và Nhẫn bậc Hạ-bậc Trung. An trú đầy đủ và vững chắc, nghĩa là Nhẫn tăng thượng. Bởi vì Thế đệ nhất pháp có gia hạnh rộng lớn và an trú đầy đủ vững chắc, cho nên chắc chắn không lui sụt. Lại nữa, bởi vì pháp này về sau chứng toàn bộ do kiến mà đoạn đoạn của ba cõi, chứ không phải là đối với ba cõi do kiến mà đoạn đoạn có trở lại lui sụt, vì vậy cho nên không lui sụt. Lại nữa, bởi vì pháp này về sau chứng toàn bộ do kiến mà đoạn đoạn ở cõi Phi tưởng phi phi tưởng, chứ không phải là đối với cõi Phi tưởng phi phi tưởng do kiến mà đoạn đoạn có trở lại lui sụt, vì vậy cho nên không lui sụt. Lại nữa, bởi vì pháp này về sau chắc chắn phát khởi Nhẫn trí, không phải là đối với Nhẫn trí có trở lại lui sụt, vì vậy cho nên không lui sụt. Lại nữa, bởi vì pháp này về sau chắc chắn phát khởi kiến đạo, lấy kiến đạo làm nơi trấn giữ quan trọng, quyết định không có lui sụt đối với kiến đạo, vì vậy cho nên không lui sụt.

Hỏi: Dựa vào luận mà sinh ra luận, vì sao kiến đạo chắc chắn không lui sụt? Đáp: Bởi vì lúc ấy kiến đạo là đạo nhanh chóng chứ không có đạo làm khó dễ, không phải là đạo phát khởi nửa chừng, vì vậy cho nên không lui sụt. Lại nữa, bởi vì hành giả lúc ấy rơi vào kiến đạo, Đại pháp chảy nhanh làm cho trôi giạt theo dòng chảy xiết, không cho phép có thể lùi lại, tâm ấy chậm chạp thì mới có thể lùi lại. Như người rơi vào dòng chảy cuộn cuộn giữa khe núi, bị dòng chảy cuốn trôi không có thể tạm thời dừng lại, hành giả cũng như vậy cho nên không lui sụt. Lại nữa, lui sụt thì khởi lên nhiều phiền não hiện tiền, lúc trú trong kiến đạo vô phú vô ký, thì tâm thiện hữu lậu hãy còn không khởi lên được, huống hồ có thể khởi tâm phiền não, vì vậy cho nên không

lui sụt. Lại nữa, bởi vì trú trong kiến đạo, cuối cùng chứng được do kiến mà đoạn đoạn ba cõi, không phải là đối với kiến đã đoạn ba cõi mà có trở lại lui sụt, vì vậy cho nên không lui sụt. Lại nữa, bởi vì trú trong kiến đạo, cuối cùng chứng được do kiến mà đoạn đoạn cõi Phi tướng phi phi tướng, không phải là đối với kiến đã đoạn đoạn cõi Phi tướng phi phi tướng mà có trở lại lui sụt, vì vậy cho nên không lui sụt. Lại nữa, nếu từ kiến đạo mà có trở lại lui sụt, thì thuận theo kiến đế rồi trở lại không kiến đế, thuận theo đạt được quả rồi trở lại không đạt được quả, thuận theo hiện quán rồi trở lại không hiện quán, thuận theo tiến vào Chánh tánh ly sinh rồi trở lại không tiến vào Chánh tánh ly sinh, thuận theo thành Thánh giả rồi trở lại làm dị sinh, thuận theo trú trong Định rồi trở lại trú trong Bất định tụ, chớ có nhiều sai lầm như vậy! Vì vậy cho nên kiến đạo quyết định không lui sụt.

Có người nói như vậy: Bởi vì thiện căn này chỉ có nên sát-na thì không còn có thể lui sụt nên nửa sát-na được, vì vậy cho nên không lui sụt. Hoặc có người nói: Bởi vì thiện căn này tựa như đạo vô gián chứ không phải là trú trong đạo vô gián có thể có lui sụt, vì vậy cho nên không lui sụt. Lại có người nói: Bởi vì thiện căn này là phần thuận theo thù thắng, chứ không phải là trú trong phần thuận theo thù thắng có thể có lui sụt, vì vậy cho nên không lui sụt. Nhưng mà có ba loại thuận theo phần quyết trách:

1. Phần thuận theo lui sụt.
2. Phần thuận theo an trú.
3. Phần thuận theo thù thắng.

Nghĩa là thuận theo lui sụt thì gọi là phần thuận theo lui sụt. Nếu thuận theo an trú thì gọi là phần thuận theo an trú. Nếu thuận theo thù thắng thì gọi là phần thuận theo thù thắng. Noãn có đủ ba loại, Đảnh cũng có đủ ba loại. Có người nói: Chỉ có hai, trừ ra phần thuận theo an trú, bởi vì phần vị của Đảnh là ở giữa tiến lên và lui sụt. Nhẫn cũng có hai, trừ ra phần thuận theo lui sụt. Thế đệ nhất pháp chỉ thuận theo phần thù thắng, cho nên phần vị này chắc chắn không có lý nào lui sụt.

Hỏi: ba phần trong này, tất cả đều là thuộc về thiện căn thuận theo phần quyết trách, cùng với bốn phần đã nói trong chương Định uẩn sau này, có gì sai biệt?

Đáp: Nơi dựa vào đều khác nhau. Nghĩa là pháp này chỉ dựa vào tùy thuận với kiến đạo, toàn bộ lập thành nên loại thuận theo phần quyết trách. Ở trong nghĩa riêng biệt lại tách ra làm ba loại. Trong chương Định uẩn sau này, toàn bộ dựa vào hữu lậu do tu mà thành thiện,

kiến lập bốn phần: Nếu thuận theo lui sụt thì gọi là phần thuận theo lui sụt, nếu thuận theo an trú thì gọi là phần thuận theo an trú, nếu thuận theo thắng tiến thì gọi là phần thuận theo thắng tiến, nếu thuận theo Thánh đạo thì gọi là phần thuận theo quyết trạch. Vì vậy nơi dựa dựa vào của hai bên đều khác nhau.

Hỏi: Có thể có Thế đệ nhất pháp, duyên với pháp có sở duyên, duyên với pháp không có sở duyên, duyên với pháp có sở duyên và cũng duyên với pháp không có sở duyên, không duyên với pháp có sở duyên cũng không duyên với pháp không có sở duyên chăng?

Đáp: Có. Duyên với pháp có sở duyên, nghĩa là nếu Thế đệ nhất pháp duyên với tâm-tâm sở pháp. Duyên với pháp không có sở duyên, nghĩa là nếu Thế đệ nhất pháp duyên với sắc-tâm bất tương ứng hành. Duyên với pháp có sở duyên cũng duyên với pháp không có sở duyên, nghĩa là nếu Thế đệ nhất pháp duyên với tâm-tâm sở pháp và duyên với sắc-tâm bất tương ứng hành. Không duyên với pháp có sở duyên cũng không duyên với pháp không có sở duyên, nghĩa là Thế đệ nhất pháp tùy tâm chuyển sắc và tùy tâm chuyển tâm bất tương ứng hành.

Hỏi: Có thể có pháp trú trong khoảng nên sát-na, đang được duyên với pháp có sở duyên, là Thế đệ nhất pháp pháp chăng? Duyên với pháp không có sở duyên, là Thế đệ nhất pháp pháp chăng? Duyên với pháp có sở duyên cũng duyên với pháp không có sở duyên, là Thế đệ nhất pháp pháp chăng? Không duyên với pháp có sở duyên cũng không duyên với pháp không có sở duyên, là Thế đệ nhất pháp pháp chăng?

Đáp: Có, đó là lúc trú trong Nhẫn tăng thượng, đang được bốn câu như đã nói ở trên, là Thế đệ nhất pháp.

Hỏi: Có thể có pháp trú trong khoảng nên sát-na, đang được Thế đệ nhất pháp mà không phải là sở duyên của nó chăng? Đang được sở duyên của nó mà không phải là Thế đệ nhất pháp pháp chăng? Đang được Thế đệ nhất pháp và sở duyên của nó chăng? Không phải đang được Thế đệ nhất pháp và sở duyên của nó chăng?

Đáp: Có, lúc trú trong Nhẫn tăng thượng. Nên làm thành bốn câu phân biệt về điều này tạm thời dựa vào vị trí định, tiến vào Chánh tánh ly sinh, lúc trú trong Nhẫn tăng thượng:

1. Đang được Thế đệ nhất pháp mà không phải là sở duyên của nó, nghĩa là Vị chí định đã thâm nhiếp, trong Thế đệ nhất pháp trừ ra duyên đang hiện tại trước mắt đã dựa vào Thế đệ nhất pháp, các duyên của cảnh còn lại Thế đệ nhất pháp.

2. Đang được sở duyên của nó mà không phải là Thế đệ nhất

pháp, nghĩa là năm địa phía trên đã thâm nhiếp, trong Thế đệ nhất pháp có duyên đang hiện tại trước mắt đã dựa vào Thế đệ nhất pháp.

3. Đang được Thế đệ nhất pháp và sở duyên của nó, nghĩa là Vị chí định đã thâm nhiếp, trong Thế đệ nhất pháp có duyên đang hiện tại trước mắt đã dựa vào Thế đệ nhất pháp.

4. Không phải đang được Thế đệ nhất pháp và sở duyên của nó, nghĩa là năm địa phía trên đã thâm nhiếp, trong Thế đệ nhất pháp trừ ra duyên đang hiện tại trước mắt đã dựa vào Thế đệ nhất pháp, các duyên của cảnh còn lại là Thế đệ nhất pháp. Như dựa vào Vị chí định, tiến vào Chánh tánh ly sinh, lúc trú trong Nhân tăng thượng, làm thành bốn câu phân biệt này; dựa vào năm địa phía trên, tiến vào Chánh tánh ly sinh, lúc trú trong Nhân tăng thượng, nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Có thể có thành tựu Thế đệ nhất pháp, mà không thành tựu pháp ly hệ (lìa khỏi sự ràng buộc) ấy được chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Thành tựu Thế đệ nhất pháp mà không thành tựu pháp ly hệ ấy được, nghĩa là nếu dựa vào địa này, tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì lúc ấy chưa lìa nhiệm của địa này.

2. Thành tựu pháp ly hệ ấy được mà không thành tựu Thế đệ nhất pháp, nghĩa là nếu dựa vào địa này, tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì lúc ấy mạng chung sinh lên địa phía trên.

3. Thành tựu Thế đệ nhất pháp cũng thành tựu pháp ly hệ ấy được, nghĩa là nếu dựa vào địa này tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì lúc ấy đã lìa nhiệm của cõi này mà không mạng chung sinh lên địa phía trên.

4. Không thành tựu Thế đệ nhất pháp cũng không thành tựu pháp ly hệ ấy được, nghĩa là nếu chưa có năng lực tiến vào phần vị Chánh tánh ly sinh, có nơi khác dựa vào thì lúc ấy đạt được pháp ly hệ hữu lậu. Phân biệt mà nói như vậy.

Hỏi: Có thể Thánh giả thành tựu Thế đệ nhất pháp, mà không thành tựu pháp ly hệ ấy được chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Thành tựu Thế đệ nhất pháp mà không thành tựu pháp ly hệ ấy được, nghĩa là nếu dựa vào địa này tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì lúc ấy chưa lìa nhiệm của địa này.

2. Thành tựu pháp ly hệ ấy được mà không thành tựu Thế đệ nhất pháp, nghĩa là nếu dựa vào địa này tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì lúc ấy mạng chung sinh lên địa phía trên theo thứ tự.

3. Thành tựu Thế đệ nhất pháp cũng thành tựu pháp ly hệ ấy được,

nghĩa là nếu dựa vào địa này tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì lúc ấy đã lìa nhiệm của địa này, không mạng chung sinh lên địa phía trên.

4. Không thành tựu Thế đệ nhất pháp cũng không thành tựu pháp ly hệ ấy được, nghĩa là nếu dựa vào địa này tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì lúc ấy mạng chung vượt qua thứ tự lên địa phía trên, sinh lên các địa phía trên còn lại, có nơi khác dựa vào tất cả Thế đệ nhất pháp, và lúc ấy đạt được tất cả các pháp ly hệ. Phân biệt mà nói như vậy.

Hỏi: Có thể có thành tựu Thế đệ nhất pháp mà không thành tựu pháp ly hệ ấy được chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt. Câu thứ nhất, nghĩa là nếu dựa vào Vị chí định, hoặc tĩnh lực thứ nhất và tĩnh lực trung gian, tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì lúc ấy chưa lìa nhiệm của tĩnh lực thứ nhất. Câu thứ hai, nghĩa là nếu dựa vào địa này tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì lúc ấy mạng chung sinh lên địa phía trên, nếu chưa đạt được Thế đệ nhất pháp, thì sinh vào cõi Dục-Sắc rồi, lìa nhiệm của tĩnh lực thứ nhất, và sinh lên Không vô biên xứ. Câu thứ ba, nghĩa là nếu dựa vào địa này tiến vào Chánh tánh ly sinh rồi, thì lìa nhiệm của tĩnh lực thứ nhất, không mạng chung sinh lên địa phía trên. Câu thứ tư, nghĩa là trừ ra các tướng trước.

Trong này, Tôn giả phân biệt bảy phần về Thế đệ nhất pháp, nghĩa là phần thứ nhất thế nào là Thế đệ nhất pháp, cho đến phần thứ bảy là Thế đệ nhất pháp nên nói có lui sụt hay không lui sụt. Trong đó, ba phần trước là luận về căn bản, bốn phần sau là dựa vào luận mà sinh ra luận. Thế đệ nhất pháp dựa vào bảy phần này, phân biệt biểu hiện rõ ràng, thật là sáng tỏ.

Thế nào là Đảnh, cho đến nói rộng.

Hỏi: Trước hết cần phải nói về Noãn, sau mới nói về Đảnh, ở đây trước hết nói đến Đảnh là như thế nào?

Đáp: Như trước đã nói, trong này nói ngược lại với thứ tự các pháp tịnh nhiệm trong thân dị sinh, cho nên trước nói về Đảnh, sau mới nói đến Noãn.

Hỏi: Nếu vậy thì trong này nên trước tiên nói về Nhẫn, tại sao ở đây lại vượt qua mà nói về Đảnh vậy?

Đáp: Trước đã nói về Nhẫn mà không hiển bày rõ ràng, nghĩa là trước đã nói nếu đảm nhận được, thì trước tiên thuận theo không phải là Thế đệ nhất pháp, sau đó mới là Thế đệ nhất pháp. Trước ấy là gì? Đó là Nhẫn tăng thượng. Đã nói Nhẫn rồi, cho nên bây giờ nói về Đảnh.

Hỏi: Tại sao Tôn giả lại che kín tướng nói về Nhẫn, mà không

hiển bày rõ ràng nói rộng về Nhẫn vậy?

Đáp: Cũng thuận theo hiển bày rõ ràng nói rộng về tướng của Nhẫn, đó là thế nào là Nhẫn, tại sao gọi là Nhẫn, Nhẫn nên nói hệ thuộc cõi nào, và dựa vào luận mà sinh ra luận, đều cần phải nói rộng ra.

Hỏi: Nhưng mà không nói đến, là có ý gì chẳng?

Đáp: Là người luận có ý muốn như vậy, nghĩa là người soạn luận tùy theo ý muốn của mình, hoặc là biểu hiện-hoặc ẩn kín, hoặc mở rộng-hoặc tóm lược mà soạn ra luận này, không cần phải đưa ra vấn đề hỏi. Trong này, Tôn giả hiển bày rõ ràng nói rộng về Thế đệ nhất pháp, ẩn kín mà nói lược về Nhẫn, đối với Đảnh và Noãn biểu hiện tóm lược mà nói. Có Sư khác nói: Nếu trong kinh biểu hiện rõ ràng mà nói, thì ở đây Tôn giả làm sáng tỏ rõ ràng mà nói, Nhẫn ở trong kinh không nói rõ ràng, cho nên ở đây che kín tướng mà nói.

Hỏi: Há không phải trong kinh nói rõ ràng về Nhẫn hay sao? Như Đức Thế Tôn nói: “Nếu có nên loại chúng sinh có sáu pháp, thì ở trong pháp hiện tại, chắc chắn không có thể lìa xa phiền não được, ở trong các pháp không có thể phát sinh pháp nhãn thanh tịnh. Sao nói là sáu pháp?”

Đáp: Đó là:

1. Không thích nghe pháp.
2. Tuy nghe thuyết pháp mà không lắng tai để nghe.
3. Tuy lắng tai nghe mà tâm không an trú thực hành theo giáo pháp.
4. Đối với thiện pháp chưa chứng không chịu khó cầu chứng.
5. Đối với thiện pháp đã chứng không chịu khó giữ gìn.
6. Không thành tựu thuận với Nhẫn. Nên biết phẩm loại thanh tịnh trái ngược nhau với điều này.”

Hỏi: Nhẫn ở kinh này đã nói rõ ràng dễ thấy, tại sao Tôn giả che kín tướng mà nói vậy?

Đáp: Điều ấy nói như vậy, trong kinh tuy nói thuận với Nhẫn, mà không nói thuận với Nhẫn của Đế, cho nên không phải là nói rõ ràng.

Hỏi: Thuận với Nhẫn và thuận với Nhẫn của Đế, có gì sai biệt?

Đáp: Nghĩa không có gì khác nhau, nên biết rằng cách nói trước là hợp lý.

Hỏi: Dựa vào luận mà sinh ra luận, tại sao chỉ có Nhẫn này gọi là thuận với Đế, chứ không phải là Noãn-Đảnh?

Đáp: Cũng cần phải nói đến thuận với Noãn của Đế-thuận với Đảnh của Đế, nhưng mà không nói đến, thì nên biết rằng đây là có

cách nói khác, bởi vì nghĩa đều có. Lại nữa, nói thuận với Đế, nghĩa là hết sức tùy thuận với Thánh đế hiện quán, Nhẫn hết sức tùy thuận với Thánh đế hiện quán, Noãn và Đảnh thì không như vậy, cho nên chỉ nói đến Nhẫn. Lại nữa, Nhẫn sát bên cạnh Kiến đạo, Noãn và Đảnh thì không như vậy. Lại nữa, Nhẫn và Kiến đạo tương tự nhau, Noãn-đảnh thì không như vậy, nghĩa là phần vị Kiến đạo chỉ có pháp niệm trú luôn luôn hiện tại trước mắt, phần vị Nhẫn cũng như vậy; Noãn và Đảnh thì không như vậy, nghĩa là hai pháp kia ở phần vị ban đầu tuy chỉ khởi lên pháp niệm trú, mà phần vị tiến lên thêm cũng có thể khởi lên ba niệm trú còn lại. Lại nữa, phần vị Nhẫn chắc chắn có ý thích không rời khỏi mà hướng về tiến vào Thánh đạo, Noãn và Đảnh thì không như vậy. Lại nữa, hành giả tu quán, ở trong phần vị Nhẫn thích quán riêng biệt về Đế, ở trong phần vị Đảnh thích quán riêng biệt về Đạo, ở trong phần vị Noãn thích quán riêng biệt về uẩn. Lại nữa, Noãn ngăn lại ngu si bậc Hạ duyên với Đế, Đảnh ngăn lại ngu si bậc Trung duyên với Đế, Nhẫn ngăn lại ngu si bậc Thượng duyên với Đế. Lại nữa, Noãn ngăn chặn ngu si thô thiển duyên với Đế, Đảnh ngăn chặn ngu si trung bình duyên với Đế, Nhẫn ngăn chặn ngu si vi tế duyên với Đế. Lại nữa, Noãn khởi lên sáng suốt bậc hạ duyên với Đế, Đảnh khởi lên sáng suốt bậc Trung duyên với Đế, Nhẫn khởi lên sáng suốt bậc Thượng duyên với Đế. Lại nữa, Noãn khởi lên sáng suốt thô thiển duyên với Đế, Đảnh khởi lên sáng suốt trung bình duyên với Đế, Nhẫn khởi lên sáng suốt vi tế duyên với Đế. Lại nữa, Noãn có được niềm tin bậc hạ duyên với Đế, Đảnh có được niềm tin bậc Trung duyên với Đế, Nhẫn có được niềm tin bậc Thượng duyên với Đế. Lại nữa, Noãn có được niềm tin thô thiển duyên với Đế, Đảnh có được niềm tin trung bình duyên với Đế, Nhẫn có được niềm tin vi tế duyên với Đế. Lại nữa, Noãn khởi lên sáng suốt bậc Hạ duyên với Đế, Đảnh khởi lên sáng suốt bậc Trung duyên với Đế, Nhẫn khởi lên sáng suốt bậc Thượng duyên với Đế. Lại nữa, Noãn khởi lên sáng suốt thô thiển duyên với Đế, Đảnh khởi lên sáng suốt trung bình duyên với Đế, Nhẫn khởi lên sáng suốt vi tế duyên với Đế. Lại nữa, Noãn có được niềm tin bậc Hạ duyên với Đế, Đảnh có được niềm tin bậc Trung duyên với Đế, Nhẫn có được niềm tin bậc Thượng duyên với Đế. Lại nữa, Noãn có được niềm tin thô thiển duyên với Đế, Đảnh có được niềm tin trung bình duyên với Đế, Nhẫn có được niềm tin vi tế duyên với Đế.

Lại nữa, bởi vì trong phần vị Nhẫn, có lúc dùng mười sáu hành tướng mà quán sát Thánh đế, có lúc dùng mười hai hành tướng mà quán

sát Thánh đế, có lúc dùng tám hành tướng mà quán sát Thánh đế, có lúc dùng bốn hành tướng mà quán sát Thánh đế; trong phần vị Noãn-Đảnh, chỉ dùng mười sáu hành tướng mà quán sát Thánh đế. Lại nữa, bởi vì trong phần vị Nhẫn không có tác ý xen tạp, nhưng trong phần vị Noãn-Đảnh thì có tác ý xen tạp. Nghĩa là trong phần vị Noãn-Đảnh, liên tục nhiều lần khởi lên thiện tâm cõi Dục quán về khổ của cõi Dục, làm cho xen tạp rồi, lại có thể dẫn dắt thiện căn này hiện tiền, phần vị Nhẫn thì không như vậy. Lại nữa, bởi vì trong phần vị Nhẫn chỉ tác ý riêng biệt-quán các Đế riêng biệt, trong phần vị Noãn-Đảnh thì không như vậy, nghĩa là phần vị Noãn-Đảnh tuy tác ý riêng biệt mà quán các Đế riêng biệt; nhưng ở trung gian lại tu toàn bộ các hành tướng-quán toàn bộ các Đế, nghĩa là quán toàn bộ các pháp hữu lậu đều là khổ, quán tất cả các hành đều là vô thường, quán tất cả các pháp đều là Không-Vô ngã, chỉ có quán Niết-bàn là tịch tĩnh chân thật. Lại nữa, bởi vì trong phần vị Nhẫn có thời gian nối tiếp nhau mà có nên sát-na quán về Thánh đế; trong phần vị Noãn-Đảnh chỉ có nối tiếp nhau quán về Thánh đế. Lại nữa, bởi vì trong phần vị Nhẫn dần dần lướt qua quán về Đế, cuối cùng có thể tùy thuận hướng đến với Niết-bàn, như đi đến phương khác lấy nhiều để đổi ít; trong phần vị Noãn-Đảnh thì không như vậy.

Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên Nhẫn gọi là thuận với Đế, Noãn và Đảnh thì không như vậy.

Hỏi: Thế đệ nhất pháp tại sao không thành lập tên gọi thuận với Đế?

Đáp: Tuy rằng phần vị này tất cả đều là thù thắng, nhưng không quán sát tất cả đối với bốn Đế, cho nên không thành lập tên gọi thuận với Đế.

Hỏi: Nhẫn là bao nhiêu niệm trú?

Đáp: Hiện tại chỉ có nên, xen lẫn duyên với pháp niệm trú; vị lai có đủ bốn giống như Kiến đạo.

Hỏi: Nhẫn làm bao nhiêu duyên?

Đáp: Làm bốn duyên, đó là nhân duyên-đẳng vô gián duyên-sở duyên duyên và tăng thượng duyên. Làm nhân duyên, nghĩa là cùng với nó tương ứng đều có các pháp đồng loại làm nhân duyên. Làm đẳng vô gián duyên, nghĩa là cùng với Thế đệ nhất pháp làm đẳng vô gián duyên. Làm sở duyên duyên. Làm tăng thượng duyên, nghĩa là trừ ra tự tánh, cùng với tất cả các pháp hữu vi khác làm tăng thượng duyên.

Hỏi: Nhẫn có mấy duyên?

Đáp: Có bốn duyên. Có nhân duyên, nghĩa là pháp này tương

ưng đều có pháp đồng loại. Có đẳng vô gián duyên, nghĩa là đã phát sinh Đảnh pháp. Có sở duyên duyên, nghĩa là bốn Thánh đế. Có Tăng thượng duyên nghĩa là trừ ra tự tánh, còn lại tất cả pháp.

Hỏi: Nhẫn nên nói là hệ thuộc cõi nào?

Đáp: Nên nói là chỉ hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Nhẫn nên nói là có tâm-có tứ, không có tâm-chỉ có tứ hay là không có tâm-không có tứ?

Đáp: Nên nói cả ba loại.

Hỏi: Nhẫn nên nói là tương ứng với Lạc căn, tương ứng với Hỷ căn hay là tương ứng với Xả căn?

Đáp: Nên nói là tương ứng với ba căn.

Hỏi: Nhẫn nên nói là nên tâm hay nhiều tâm?

Đáp: Nên nói là hoặc nhiều tâm-hoặc nên tâm, bởi vì Nhẫn tăng thượng trong nên sát-na.

Hỏi: Nhẫn nên nói là lui sụt hay là không lui sụt?

Đáp: Nên nói là không lui sụt. Những nghĩa như vậy, dựa theo trước đã nói về Thế đệ nhất pháp, như lý cần phải biết!

Hỏi: Duyên vào Nhẫn của Đế nào sau đó mới tiến vào Chánh tánh ly sinh?

Đáp: Có người nói như vậy: Duyên vào Nhẫn của Đạo đế sau đó mới tiến vào Chánh tánh ly sinh.

Hỏi: Nếu như vậy sao nói là hành tướng sở duyên, không trở thành trái ngược? Nếu như trái ngược, thì tại sao không cùng tiến vào Chánh tánh ly sinh mà lại gây ra khó dễ?

Đáp: Đây là đối với hành tướng sở duyên, tuy có trái ngược, nhưng mà đối với tiến vào Chánh tánh ly sinh thì không gây ra khó dễ. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì đã luyện tập thành thói quen, nghĩa là hành giả tu tập đối với sự luyện tập thành thói quen này đã trở thành con đường tự tại hiện tiền. Như trong Kiến đạo, duyên vào Nhẫn trí của cõi Dục, sau đó duyên vào Nhẫn trí của Hữu Đảnh hiện tại trước mắt; duyên vào Nhẫn trí của Hữu Đảnh, sau đó duyên vào Nhẫn trí của cõi Dục hiện tại trước mắt; duyên vào hành tướng của khổ đế, sau đó duyên vào hành tướng của Tập đế hiện tại trước mắt; duyên vào hành tướng của Tập đế, sau đó duyên vào hành tướng của Diệt đế hiện tại trước mắt. Những hành tướng sở duyên này tuy có trái ngược, nhưng không gây ra khó dễ đối với hiện quán, bởi vì đã luyện tập thành thói quen cho nên Nhẫn này cũng như vậy. Nếu nói như vậy thì duyên vào Nhẫn của Đạo đế, sau đó tiến vào Chánh tánh ly sinh, sẽ có ba tâm. Cùng nên sở duyên và cùng

nên hành tướng, đó là Thế đệ nhất pháp và Khổ pháp trí nhãn, khổ pháp trí tướng ứng với hai tâm. Cùng nên hành tướng nhưng không cùng nên sở duyên, đó là khổ loại trí nhãn, Khổ loại trí tướng ứng với hai tâm. Cùng nên sở duyên nhưng không cùng nên hành tướng, đó là Tập pháp trí nhãn, Tập pháp trí tướng ứng với tâm còn lại, không cùng sở duyên và không cùng nên hành tướng.

Nói như vậy là duyên vào Nhãn của khổ đế, sau đó tiến vào Chánh tánh ly sinh. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì đạo là thiện căn vô lậu, có thế mạnh to lớn, tuy sở duyên và hành tướng có trái ngược, nhưng không gây ra khó dễ đối với hiện quán. Nhãn là thiện căn hữu lậu, không có thế mạnh to lớn, nếu sở duyên và hành tướng có trái ngược, thì đối với lúc tiến vào Chánh tánh ly sinh sẽ gây ra khó dễ. Vì vậy hành giả tu tập trú trong phần vị Nhãn, với sở duyên và hành tướng trước mở rộng-sau lược bớt, từ đó có thể tiến vào Chánh tánh ly sinh. Nghĩa là trước kia dùng bốn hành tướng quán về khổ cõi Dục, sau đó dùng bốn hành tướng quán về khổ cõi Sắc-Vô sắc; tiếp đó dùng bốn hành tướng quán về nhân của các hành cõi Dục, tiếp đó dùng bốn hành tướng quán về nhân của các hành cõi Sắc-Vô sắc; tiếp theo dùng bốn hành tướng quán về diệt của các hành cõi Dục, tiếp theo dùng bốn hành tướng quán về diệt của các hành cõi Sắc-Vô sắc; tiếp đến dùng bốn hành tướng quán về đạo của các hành cõi Dục, sau đó dùng bốn hành tướng quán về đạo của các hành cõi Sắc-Vô sắc. đây đủ như vậy gọi là Nhãn bậc Hạ. Từ đây về sau dần dần lược bớt, nghĩa là lại dùng bốn hành tướng, trước tiên quán về khổ của cõi Dục, sau đó quán về khổ của cõi Sắc-Vô sắc, cho đến cuối cùng quán về đạo của các hành cõi Dục, lần lần giảm bỏ quán về đạo của các hành cõi Sắc-Vô sắc. lại dùng bốn hành tướng, trước tiên quán về khổ của cõi Dục, sau đó quán về khổ của cõi Sắc-Vô sắc, cho đến cuối cùng quán về diệt của các hành cõi Sắc-Vô sắc, từng bước lược bỏ quán về đạo của tất cả các hành. Lại dùng bốn hành tướng, trước tiên quán về khổ của cõi Dục, sau đó quán về khổ của cõi Sắc-Vô sắc, cho đến cuối cùng quán về diệt của các hành cõi Dục, từng bước lược bỏ quán về diệt của các hành cõi Sắc-Vô sắc. Lại dùng bốn hành tướng, trước tiên quán về khổ của cõi Dục, sau đó quán về khổ của cõi Sắc-Vô sắc, cho đến cuối cùng quán về nhân của các hành cõi Sắc-Vô sắc, từng bước lược bỏ quán về diệt của tất cả các hành. Lại nữa, dùng bốn hành tướng, trước tiên quán về khổ của cõi Dục, sau đó quán về khổ của các cõi Sắc-Vô sắc, cuối cùng quán về nhân của các hành cõi Dục, từng bước lược bỏ quán về nhân của các hành cõi Sắc-Vô

sắc. lại dùng bốn hành tướng, trước tiên quán về khổ của cõi Dục, sau cuối quán về khổ của cõi Sắc-Vô sắc, từng bước lược bỏ quán về nhân của tất cả các hành. Lại dùng bốn hành tướng, quán về khổ của cõi Dục, từng bước lược bỏ quán về khổ của cõi Sắc-Vô sắc. Lúc ấy đối với khổ của cõi Dục, dùng bốn hành tướng quán sát nối tiếp nhau, lại từng bước lược bỏ, cho đến quán sát nên hành tướng với hai sát-na, như Khổ pháp trí nhãn và Khổ pháp trí. Đến phần vị này gọi là Nhẫn bậc Trung. Lúc ấy lại đối với Khổ của cõi Dục, quán sát trong nên sát-na như Khổ pháp trí nhãn, đây gọi là Nhẫn bậc Thượng. Từ đây không gián đoạn, lại trong nên sát-na quán về khổ của cõi Dục, gọi là Thế đệ nhất pháp. Từ đây không gián đoạn, sinh ra Khổ pháp trí nhãn, lần lược cho đến sinh ra Đạo loại trí.

Ví như có người, muốn từ nước mình đến nước khác, có nhiều tài sản không thể nào mang đi được, liền lấy đổi thành tiền mà vẫn còn chê là tiền nhiều quá. Lại lấy tiền đổi thành vàng mà vẫn còn chê là vàng nặng quá. Lại lấy vàng trao đổi ngọc quý báu có giá trị to lớn, mang ngọc quý báu này tùy ý mà đi khắp nơi. Hành giả cũng như vậy, trước tiên quán sát rộng về các Đế trên-dưới, sau đó từng bước lược bỏ, cho đến chỉ dùng nên sát-na tâm, quán về khổ của cõi Dục, tiếp đến sinh ra Thế đệ nhất pháp, tiếp tục sinh ra Khổ pháp trí nhãn, lần lược cho đến sinh ra Đạo loại trí.

Nếu nói như vậy thì duyên vào Nhẫn của khổ đế, sau đó tiến vào Chánh tánh ly sinh, sẽ có bốn tâm. Cùng nên sở duyên và cùng nên hành tướng, đó là Nhẫn tăng thượng-Thế đệ nhất pháp và Khổ pháp trí nhãn, Khổ pháp trí tương ứng với hai tâm. Cùng nên hành tướng mà không cùng nên sở duyên, đó là Khổ loại trí nhãn, Khổ loại trí tương ứng với hai tâm. Cùng nên sở duyên mà không cùng nên hành tướng, đó là Tập pháp trí nhãn, Tập pháp trí tương ứng với tâm còn lại, không cùng nên sở duyên và không cùng nên hành tướng.

Hỏi: Thế đệ nhất pháp cũng có ba phẩm như Nhẫn chăng?

Đáp: Trong nên tâm nối tiếp nhau thì không có, trong nhiều tâm nối tiếp nhau thì có. Nghĩa là chủng tánh Phật là phẩm Thượng, chủng tánh Độc giác là phẩm Trung, chủng tánh Thanh văn là phẩm Hạ. Dựa vào sáu chủng tánh, ba căn cũng nói như vậy.

